

QUYẾT ĐỊNH

**Giao chỉ tiêu người lao động tham gia bảo hiểm xã hội năm 2024
cho các huyện, thị xã, thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 14 (khóa XIII) về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã
hội năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định giai
đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 248/TTr-SLĐTBXH ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu người lao động tham gia bảo hiểm xã hội năm 2024
cho các huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội tỉnh,
Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan
phối hợp triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động -
Thương binh và Xã hội, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục

GIAO CHỈ TIÊU NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2024 CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị	Năm 2024							
		Dân số dự báo (người)	Số người trong độ tuổi thuộc diện tham gia BHXH	Số người tham gia BHXH					
				Tổng số	Tỷ lệ (%)	BHXH bắt buộc		BHXH tự nguyện	
Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)						
1	Thành phố Quy Nhơn	293.766	170.753	70.048	41,02	67.858	39,74	2.190	1,28
2	Huyện Tuy Phước	182.209	97.849	9.117	9,32	7.467	7,63	1.650	1,69
3	Thị xã An Nhơn	180.053	92.265	15.564	16,87	14.244	15,44	1.320	1,43
4	Huyện Phù Cát	185.390	97.913	14.496	14,80	12.706	12,98	1.790	1,83
5	Huyện Phù Mỹ	163.581	83.253	9.101	10,93	7.001	8,41	2.100	2,52
6	Thị xã Hoài Nhơn	210.802	110.795	17.477	15,77	14.847	13,40	2.630	2,37
7	Huyện Tây Sơn	117.418	65.715	7.386	11,24	5.936	9,03	1.450	2,21
8	Huyện Hoài Ân	86.977	42.733	4.424	10,35	2.824	6,61	1.600	3,74
9	Huyện Vân Canh	28.255	15.434	2.757	17,86	2.037	13,20	720	4,67
10	Huyện Vĩnh Thạnh	31.024	17.065	2.801	16,41	1.951	11,43	850	4,98
11	Huyện An Lão	28.219	16.449	3.202	19,47	1.702	10,35	1.500	9,12
	Tổng cộng	1.507.694	810.224	156.373	19,30	138.573	17,10	17.800	2,20

Su